

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2022/DS-ST
Ngày: 08-7-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh.
2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trinh- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 240/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 , giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số 130 L, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc A, chức vụ: Giám đốc PGD T.

Người đại diện theo ủy quyền : Bà Liêu Thanh H, chức vụ: Nhân viên khách hàng cá nhân (có mặt).

Địa chỉ: Số 1376 Tỉnh lộ S, Ấp E, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu C1, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ Y, Ấp 5, xã P, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Đặng Văn X, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ Y, Ấp 5, xã P, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là Ngân hàng) do bà Liêu Thanh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thu C1 có vay Ngân hàng TMCP Đ số tiền: 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 14/8/2014 chi tiết khoản vay như sau: Số tiền vay: 5.000.000đ (Năm triệu đồng), lãi suất: 9.00%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay là buôn bán.

Theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 14/8/2014, bà C1 cam kết thanh toán vốn và lãi đúng hạn. Tuy nhiên, trong quá trình vay, bà C1 đã liên tục chậm trả nợ dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu. Tính đến ngày 16/3/2021, bà C1 còn nợ Ngân hàng Đông Á, tiền gốc là 1.965.000đ, nợ lãi quá hạn 1.578.519đ. Tổng cộng: 3.543.519 đồng.

Nay đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu C1 phải trả một lần tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 16/3/2021 là 3.543.519 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và số tiền lãi phát sinh từ ngày 16/3/2021 đến ngày bà C1 trả nợ xong cho Ngân hàng. Yêu cầu bà C1 phải chịu mọi chi phí Tòa án và các khoản phát sinh khác liên quan đến tranh chấp.

Trường hợp bà C1 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Phía Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án buộc người bảo lãnh cho bà C1 là ông Đặng Văn X phải thanh toán thay cho bà C1 trả số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP Đ.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn có văn bản thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung: Không yêu cầu bà C1 phải trả tiền lãi quá hạn 1.578.519đồng, chỉ yêu cầu bà C1 trả cho Ngân hàng số tiền gốc là: 1.965.000đồng, không yêu cầu ông X cùng trả.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn X vắng mặt.*

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; việc Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định;

thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ chưa đúng quy định; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 471, Điều 474 BLDS năm 2005; Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu C1 phải thanh toán nợ gốc và lãi theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thị Thu C1 cư trú tại: Tổ Y, Ấp 5, xã P, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn X đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà C1 và ông X vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có văn bản thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung: Chỉ buộc bị đơn bà C1 trả số tiền gốc là: 1.965.000đồng, không yêu cầu bà C1 trả lãi và không yêu cầu ông Đặng Văn X cùng trả. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện này được đưa sau phiên họp tiếp cận công khai

chứng cứ và hòa giải nhưng không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Hội đồng xét xử, xét thấy:

[3.1] Quá trình giải quyết, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn X không có ý kiến trình bày và cũng không đến Tòa án dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần được xem là từ bỏ quyền trình bày và chứng minh của mình. Hội đồng xét xử, căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[3.2] Nguyên đơn cung cấp Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 14/8/2014 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Thu C1 và ông Đặng Văn X, có xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ xã Hòa Phú, huyện Củ Chi. Do đó, có cơ sở xác định, bà C1 có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng từ tháng 9/2014 đến tháng 9/2015, lãi vay: 9%/năm, mục đích vay: Buôn bán. Ông Đặng Văn X là chồng của bà C1 là người bảo lãnh khoản vay nêu trên cho bà C1.

[3.3] Căn cứ vào bảng sao kê hoạt động vay của bà Nguyễn Thị Thu C1 thì có cơ sở xác định đến ngày 16/3/2021 bà C1 còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 1.965.000đồng tiền gốc. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà C1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà C1 không thực hiện là đã vi phạm cam kết.

[3.4] Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện chỉ yêu cầu bà C1 phải trả ngay số tiền gốc là: 1.965.000đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với lãi quá hạn: Tại phiên tòa, nguyên đơn có văn bản xin rút yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1

Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí;

- Căn cứ Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu C1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc là: 1.965.000 (một triệu chín trăm sáu mươi năm nghìn) đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Thu C1 phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/7/2022 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc: 1.965.000 (một triệu chín trăm sáu mươi năm nghìn) đồng cho Ngân hàng TMCP Đ, theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về việc: Buộc bà Nguyễn Thị Thu C1 phải thanh toán nợ lãi quá hạn 1.578.519 (một triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm mười chín) đồng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn X cùng trả số tiền nợ 1.965.000 (một triệu chín trăm sáu mươi năm nghìn) đồng cho Ngân hàng TMCP Đ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thu C1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0044029 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Hồng Ngọc